

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về con chung,
tài sản chung*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương

Ông Phan Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T;** Sinh ngày: 19/01/1993; Địa chỉ cư trú: Xóm 4, thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

- Bị đơn: **Anh Dương Văn G;** Sinh ngày: 10/4/1989; Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

Người giám hộ cho bị đơn: Bà Dương Thị T; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Quốc Hoàng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

- Người phiên dịch: Bà Đậu Thị Kim Lương – Giáo viên Trung tâm công tác xã hội – Giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật thuộc Sở lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

- Người làm chứng:

1. Ông Dương Công K; Địa chỉ: Xóm H, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

2. Bà Trần Thị H; Địa chỉ: Số nhà 92, đường N, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

3. Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Số 350, đường Q, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn G kết hôn ngày 21/3/2019, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã Đ) thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn Đ, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, chị T ở nhà nội trợ, anh G đi làm công nhân may mặc, tình cảm vợ chồng khi mới cưới bình thường. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng không giao cho vợ quản lý kinh tế, tính tình không hòa hợp, chồng và gia đình chồng không tôn trọng vợ. Mâu thuẫn đỉnh điểm là cuối năm 2021 anh G và gia đình đuổi chị T ra khỏi nhà, chị T về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn G có 1 con chung tên là Dương Anh T, sinh ngày 28/01/2020. Về trách nhiệm của 2 vợ chồng đối với con là ngang nhau. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con vì anh G là người cam đoan không đảm bảo được việc chăm sóc nuôi dạy con và chị T yêu cầu anh G đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 02 triệu đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Về điều kiện nuôi con, chị T trình bày: chị làm nghề bán hàng online thu nhập 5.000.000 đồng/tháng, có nhà ở ổn định hiện đang sống cùng mẹ đẻ tại thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, có thời gian ngoài giờ làm việc để chăm sóc con.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng có 01 chiếc xe máy hiệu Vison mang BKS 38P1-581.30 trị giá hiện tại khoảng 20.000.000 đồng và có 23 chỉ vàng 9999 gia đình nội ngoại cho khi cưới, đã sử dụng 3,5 chỉ. Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu chia tài sản chung như sau: Về chiếc xe máy, chị T yêu cầu chia đôi; Về số vàng chị T yêu cầu anh G trả lại cho chị T 6,5 chỉ trị giá 33.735.000 đồng do gia đình chị T tặng cho và 0,52 chỉ vàng tây trị giá 2.078.000 đồng chị T để lại khi ra khỏi nhà, tổng trị giá 35.813.000 đồng. Tại phiên tòa, chị T rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung vợ chồng nói trên.

Tại Biên bản ghi lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Dương Văn G và người giám hộ của anh G trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn thống nhất như trình bày của chị T. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn đỉnh điểm từ cuối năm 2021, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh G trình bày

vẫn còn tình cảm với chị T và có nguyện vọng muốn đoàn tụ nhưng nếu chị T nhất quyết ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh G và chị T có 01 con chung như trình bày của chị T. Con sinh ra sống chung cùng 02 vợ chồng và bố mẹ anh G, từ cuối năm 2021 đến nay vợ chồng ly thân con sống cùng với anh G và bố mẹ anh G. Quá trình ly thân chị T không có trách nhiệm với con, không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh G chăm sóc con phát triển tốt và cho con đi học tại Trường mầm non Pandakid có địa chỉ tại xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, anh G làm công nhân may mặc tại Cơ sở sản xuất chăn ga gối nệm K Minh ở thôn H, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, thu nhập ổn định 10.000.000đ/tháng, có nhà ở kiên cố cùng bố mẹ anh G và có thời gian chăm sóc con, đưa đón con đi học. Anh G có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung anh G đồng ý.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T và anh G ly hôn, giao con chung Dương Anh T cho anh Dương Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

+Về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ giao con chung Dương Anh T, sinh ngày 28/01/2020 cho anh Dương Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+Về tài sản chung: Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung vợ chồng.

+Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về nuôi con chung và chia tài sản đối với bị đơn anh Dương Văn G (cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn G và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng không giao cho vợ quản lý kinh tế, vợ chồng tính tình không hòa hợp, chồng và gia đình chồng không tôn trọng chị T và đuổi chị T ra khỏi nhà; còn anh G trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, anh G và gia đình anh G không đuổi chị T ra khỏi nhà. Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn từ cuối năm 2021 và đã sống ly thân từ đó đến nay. Theo kết quả xác minh tại thôn Đ, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thì chị T và anh G có mâu thuẫn và chị T không sống cùng anh G trên địa bàn từ đầu năm 2022 đến nay, về nguyên nhân mâu thuẫn và diễn biến mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không rõ, việc anh G và bố mẹ anh G có đuổi chị T ra khỏi nhà hay không thì địa phương không biết. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh G đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được, chị T có nguyện vọng ly hôn và anh G đồng ý. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn G.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn G có 01 con chung tên là Dương Anh T, sinh ngày 28/01/2020. Hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Xét điều kiện nuôi con: mặc dù chưa có nhà riêng nhưng anh G và chị T đều đang sinh sống ổn định trong nhà của bố mẹ đẻ, về thời gian để chăm sóc con cả 2 đều làm việc theo giờ hành chính nên có điều kiện về nhà ở và thời gian chăm sóc con là ngang nhau. Về thu nhập, chị T làm nghề bán hàng online, có thu nhập lương cứng 3.500.000 đồng và tiền thưởng theo doanh số bán hàng từng tháng, mức trung bình mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng, anh G làm công nhân may mặc, có thu nhập ổn định 10.000.000đ/tháng. Vì vậy, xét về thu nhập anh G ổn định hơn chị T. Quá trình vợ chồng sống ly thân từ 27/01/2022 đến nay, con sống cùng anh G. Theo kết quả xác minh tại nơi cư trú, anh G có khiếm khuyết về nghe và nói, cụ thể là bị điếc và nói ngọng còn về nhận thức hoàn toàn bình thường, anh G sinh hoạt và quan hệ với xóm làng, bạn bè và các quan hệ xã hội khác tại địa phương hoàn toàn bình thường, từ khi vợ chồng ly thân anh G và cha mẹ anh G chăm sóc cháu Dương Anh T chu đáo. Theo kết quả xác minh tại Trường mầm non Pandakid có địa chỉ tại xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thì cháu Dương Anh T được anh G cho đi học tại Trường mầm non Pandakid từ ngày 01/6/2022 đến nay, cháu đi học chuyên cần, hàng ngày được đưa đón đúng giờ quy định, cháu phát triển hoàn toàn bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần, cháu ngoan ngoãn, nhanh nhẹn, sạch sẽ, tương tác với cô giáo và các bạn tốt, các khoản học phí và chi phí khác được anh G đóng nộp đầy đủ, từ khi cháu học ở trường đến nay chị T chưa từng tiếp xúc với cô để hỏi han trao đổi về tình hình của cháu. Như vậy về

trách nhiệm với con trước khi ly thân 2 vợ chồng là ngang nhau nhưng sau khi ly thân anh G có trách nhiệm với con hơn. Hội đồng xét xử xét thấy, về điều kiện nuôi con anh G có điều kiện nuôi con tốt hơn chị T, quá trình anh G một mình nuôi con thì con phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, con được đi học đầy đủ, con đã quen với điều kiện, môi trường sống và được anh G nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất nên giao con chung Dương Anh T cho anh Dương Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về tiền cấp dưỡng nuôi con: anh G không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Mặc dù tại đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc giải quyết chia tài sản chung vợ chồng. Nếu sau này chị T khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật. Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn là người khuyết tật nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn tiền án phí cho anh G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn G.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Dương Anh T sinh ngày 28/01/2020 cho anh Dương Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 1.657.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001154 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 1.582.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Dương Văn G.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS – VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền